

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 5 NĂM 2025
(Số liệu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/5/2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
	KBNN KHU VỰC XX (A+B)	1,962,809	290,406	14.80%	22,581,038	3,859,523	17.09%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	6,390	2,710	42.41%	1,070,587	273,324	25.53%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	1,956,419	287,697	14.71%	21,510,452	3,586,199	16.67%	
	KIÊN GIANG (A+B)	1,373,506	222,446	16.20%	11,806,440	1,618,533	13.71%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	6,390	2,710	42.41%	742,942	208,278	28.03%	
I	Tòa án nhân dân tối cao				47,500	4,228	8.90%	
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				47,500	4,228	8.90%	
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao				19,500	3,500	17.95%	
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				19,500	3,500	17.95%	
III	Bộ Công An				8,000	1,276	15.95%	
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				5,000	1,128	22.57%	
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				3,000	147	4.91%	
IV	Bộ Quốc phòng				104,360	36,130	34.62%	
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				24,300	17,657	72.66%	
2	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang				42,725	4,957	11.60%	
3	700468603 - Đầu tư XDCT khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9 (GD3)				37,335	13,516	36.20%	
V	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				355,240	66,822	18.81%	
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				232,240	36,922	15.90%	
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				83,000	25,735	31.01%	
3	7868632 - Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu				40,000	4,165	10.41%	
VI	Bộ Tư pháp				30,693	6,753	22.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	7556555 - Cải tạo mở rộng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang				303	303	99.91%	
2	7558995 - Trụ sở làm việc THADS huyện Giang Thành.				390	378	96.96%	
3	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				30,000	6,072	20.24%	
VII	Bộ Xây dựng	6,390	2,710	42.41%	177,649	89,570	50.42%	
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				98,000	12,527	12.78%	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				2,500	-	0.00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				12,608	12,608	100.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				15,000	15,000	100.00%	
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tỉnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)	6,390	2,710	42.41%				
6	120092032 - Tiểu DA GPMB 1B-DA đường hành lang ven biển phía Nam				20,000	20,000	100.00%	
7	120092033 - Tiểu dự án GPMB 2 Kiên Giang-DA Đường HL ven biển phí Nam				11,003	10,898	99.05%	
8	120092034 - Tiểu dự án GPMB 3 DA Đường hành lang ven biển ĐPVN				17,415	17,415	100.00%	
9	7023416 - DA tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới QG (gđ1)				1,123	1,123	100.00%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	1,367,116	219,736	16.07%	11,063,498	1,410,254	12.75%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)	1,367,116	219,736	16.07%	11,063,498	1,410,254	12.75%	
I	Dự án tình quản lý	896,147	13,112	1.46%	6,916,282	943,062	13.64%	
I.1	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh				62,955	420	0.67%	
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông				1,620	-	0.00%	
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá				662	-	0.00%	
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy				458	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)				392	-	0.00%	
5	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				553	-	0.00%	
6	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11,414	-	0.00%	
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				200	-	0.00%	
8	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714), xã Tân Thạnh, huyện An Minh				49,630	420	0.85%	
9	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng.				2,492	-	0.00%	
10	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang				600	-	0.00%	
11	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				392	-	0.00%	
12	Nghị quyết số 38/NQ-HDND ngày 05/5/2025 (chưa phân khai chi tiết)				- 5,458	-	0.00%	
I.2	BCH Quân sự tỉnh	-	-		444,776	54,653	12.29%	
1	Ban Chỉ huy Quân sự phường Mỹ Đức; Ban Chỉ huy Quân sự phường Bình San thuộc thành phố Hà Tiên				4,327	1,888	43.63%	
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Mỹ; Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Khánh Hoà thuộc huyện Giang Thành				4,332	3,654	84.34%	
3	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bàn Thạch; Ban Chỉ huy Quân sự xã Hoà Thuận; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				5,996	137	2.28%	
4	Ban Chỉ huy Quân sự xã Hưng Yên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Đông Thái thuộc huyện An Biên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thuận Hoà huyện An Minh				5,992	2,225	37.13%	
5	Dự án xây dựng doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện An Biên				113,129	19,946	17.63%	
6	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				300,000	26,804	8.93%	
7	Nghị quyết số 38/NQ-HDND ngày 05/5/2025 (chưa phân khai chi tiết)				11,000	-	0.00%	
I.3	Công an tỉnh				186,900	33,614	17.99%	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.				12,630	2,682	21.24%	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Châu Thành) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				6,300	3,112	49.40%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				55,000	-	0.00%	
4	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn I) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				50,000	12,733	25.47%	
5	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn II) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				24,000	15,086	62.86%	
6	Nghị quyết số 38/NQ-HDND ngày 05/5/2025 (chưa phân khai chi tiết)				38,970	-	0.00%	
I.4	Sở giáo dục và đào tạo	12,105	-	0.00%	24,142	989	4.10%	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				3,505	126	3.60%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng				2,319	-	0.00%	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành				1,418	184	12.96%	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2,075	-	0.00%	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				1,348	679	50.37%	
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh				12,977	-	0.00%	
7	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá				500	-	0.00%	
8	ĐTXD công trình Trường THPT Phú Quốc	1,118	-	0.00%				
9	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông	544	-	0.00%				
10	Trường THPT An Thới	7,513	-	0.00%				
11	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	157	-	0.00%				
12	Trường THPT An Thới	1,706	-	0.00%				
13	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	775	-	0.00%				
14	ĐTXD công trình Trường THPT Phú Quốc	292	-	0.00%				
I.5	Sở Xây dựng (Lĩnh vực giao thông)	40,049	300	0.75%	3,316,172	60,941	1.84%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)				8,305	-	0.00%	
2	- Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				69	-	0.00%	
3	- Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				70	-	0.00%	
4	- Đầu tư xây dựng đường nối cầu Thử 11 kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				277	-	0.00%	
5	- Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				94	-	0.00%	
6	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				47	-	0.00%	
7	- Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				55	-	0.00%	
8	- Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.965				102	-	0.00%	
9	- Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				148	-	0.00%	
10	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.963 nối đến huyện Giang Thành				3,000	-	0.00%	
11	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT.965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh Thượng)				293	-	0.00%	
12	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.965C - kết nối QL63				73	-	0.00%	
13	- Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn nút giao NI - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				77,930	17,883	22.95%	
14	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80 - đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				60	-	0.00%	
15	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị Dương Đông				2,000	-	0.00%	
16	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị An Thới				2,000	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
17	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1 (đoạn từ Cảng HK Phú Quốc tới TT hội nghị và tới Cảng An Thới)				2,000	-	0.00%	
18	Dự án đầu tư đường bộ ven biển phía Đông đảo Phú Quốc				2,000	-	0.00%	
19	Dự án đường bộ ven biển kết nối cảng An Thới				2,000	-	0.00%	
20	Dự án đầu tư xây dựng đại lộ Đông - Tây đảo Phú Quốc				2,000	-	0.00%	
21	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ Cửa Lấp - đường Võ Thị Sáu - đường bộ ven biển phía Tây đảo Phú Quốc)				2,000	-	0.00%	
22	Dự án đường trục Dương Đông đi Bắc đảo (ĐT 975B)				2,000	-	0.00%	
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cảnh quan sông Dương Đông				2,000	-	0.00%	
24	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (đoạn từ Minh Lương - Tắc Cậu)				1,392	-	0.00%	
25	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973				2,000	-	0.00%	
26	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ ven biển từ Kiên Lương đi Hà Tiên				2,000	-	0.00%	
27	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				528,000	38,444	7.28%	
28	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên				400,000	4,591	1.15%	
29	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc				1,217,475	23	0.00%	
30	Đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá				1,050,000	-	0.00%	
31	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	1,062	-	0.00%				
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	393	-	0.00%				
33	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	430	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
34	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá-Hòn Đất)	111	-	0.00%				
35	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá	128	-	0.00%				
36	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất	141	-	0.00%				
37	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	8,938	-	0.00%				
38	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	9,607	-	0.00%				
39	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	2,570	-	0.00%				
40	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang	3,400	-	0.00%				
41	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)	1,500	-	0.00%	640	-	0.00%	
42	8078475 - Đầu tư xây dựng công trình cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá (CBĐT) (CBĐT)	4,419	23	0.53%				
43	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (Châu Thành-Gò Quan)	396	277	70.00%				
44	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh Nhánh)	325	-	0.00%	2,932	-	0.00%	
45	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)	360	-	0.00%	3,210	-	0.00%	
46	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Đường ĐT 968 (từ DT 965-đường ven biển)	295	-	0.00%				
47	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch giá đến cầu Ba Hòn)	4,000	-	0.00%				
48	QHPK khu vực phía tây Rạch Sỏi thuộc địa bàn thành phố Rạch giá và huyện Châu Thành	337	-	0.00%				
49	Điều chỉnh cục bộ QHCTXD Khu đô thị mới Phú Cường-thuộc Điều chỉnh QHCTXD khu vực 4,5 khu đô thị mới lần biên thành phố Rạch giá	133	-	0.00%				
50	QHPK khu vực trụ sở UBND tỉnh và các sở ngành tại phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch giá	995	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
51	Điều chỉnh cục bộ QH Tổng mặt bằng sử dụng đất Trường Cao đẳng Kiên Giang	385	-	0.00%				
52	QH Tổng mặt bằng trụ sở UBND tỉnh	124	-	0.00%				
I.6	Sở văn hóa thể thao	1,763	1,017	57.68%	69,781	29,862	42.79%	
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				68,852	29,862	43.37%	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020				929	-	0.00%	
3	8058722 - Tu bổ, tôn tạo chùa Láng Cát. Hạng mục: Tu sửa trụ sở làm việc của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	1,106	1,017	91.95%				
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	657	-	0.00%				
I.7	Tòa án nhân dân tỉnh	1,922	-	0.00%				
1	Dự án xây mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	1,922	-	0.00%				
I.8	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	57,706	-	0.00%	1,498,973	374,810	25.00%	
1	Vay thực hiện dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long"				101,500	-	0.00%	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc.				92,566	15,633	16.89%	
3	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				245,626	124,119	50.53%	
4	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				141,063	5,847	4.15%	
5	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu				372,530	157,083	42.17%	
6	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.				28,643	2,354	8.22%	
7	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.				356,860	55,344	15.51%	
8	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	50,000		0.00%	138,685	7,431	5.36%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
9	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	6,715		0.00%	7,000	7,000	100.00%	
10	Vay thực hiện Dự án "Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang"				13,500	-	0.00%	
2	Dự án Chống ngập và chống hạn vùng đệm U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang				1,000	-	0.00%	
11	Dự án ĐTXD hồ chứa nước cửa cạn (Phía thượng lưu cầu suối cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc	991	-	0.00%				
I.9	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	1,717	-	0.00%	87,830	14,419	16.42%	
1	Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				2,370	-	0.00%	
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.				9,281	-	0.00%	
3	Trạm cấp nước áp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				12,991	2,305	17.74%	
4	Trạm cấp nước xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10,498	4,922	46.88%	
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.				3,379	2,314	68.49%	
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận				574	-	0.00%	
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Bình Sơn				14,497	4,623	31.89%	
8	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An Minh				34,240	255	0.74%	
9	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thỏ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	71	-	0.00%				
10	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	89	-	0.00%				
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	34	-	0.00%				
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quan, huyện Gò Quao	90	-	0.00%				
13	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m3/h	541	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
14	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước nước xã Vĩnh Bình Bắc	891	-	0.00%				
I.10	Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông (Lĩnh vực giao thông)	285,771	-	0.00%	51,052	3,519	6.89%	
1	Dự án nâng cấp đường Thù 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.				1,010	-	0.00%	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh				400	-	0.00%	
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)				600	-	0.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc				6,568	-	0.00%	
6	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)				809	-	0.00%	
8	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)				34,765	-	0.00%	
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang				6,900	3,519	51.00%	
10	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	4,804	-	0.00%				
11	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng	6,492	-	0.00%				
12	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang	187,365	-	0.00%				
13	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc	12,825	-	0.00%				
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)	1,431	-	0.00%				
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biển từ Rạch giá đi Hòn Đất	72,854	-	0.00%				
I.11	Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông (Lĩnh vực DDCT)	425,403	10,690	2.51%	915,091	262,240	28.66%	
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang				6,037	349	5.79%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang				77,500	10	0.01%	
3	8002318 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm Phát sóng Hòn Me				10,450	591	5.66%	
4	8057915 - Hội trường và phòng họp trực tuyến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang				19,782	2,474	12.51%	
5	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, các hạng mục phụ và mua sắm trang thiết bị trụ sở Thanh tra tỉnh Kiên Giang				5,723	1,786	31.21%	
6	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công thương tỉnh Kiên Giang				7,833	280	3.58%	
7	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				15,217	373	2.45%	
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang				7,653	200	2.61%	
9	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ				19,000	4,310	22.69%	
10	Trường Trung học phổ thông Thạnh Đông				9,604	2,346	24.43%	
11	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				10,366	1,646	15.88%	
12	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương				9,430	3,768	39.96%	
13	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	133,823	-	0.00%	585,000	199,333	34.07%	
14	Nhà thi đấu Đa năng huyện Châu Thành				12,866	4,027	31.30%	
15	Đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân Khu công nghiệp Thạnh Lộc				1,516	-	0.00%	
16	Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên trường Đại học Kiên Giang				989	262	26.48%	
17	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				37,540	25,194	67.11%	
18	Đường vào khu di lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận-mộ Chì Sứ)				3,116	-	0.00%	
19	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê-đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Queó)				6,750	2,096	31.05%	
20	Dự án hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ				18,000	-	0.00%	
21	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm				104	103	99.21%	
22	Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				50,000	13,091	26.18%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
23	Dự án Nhà làm việc các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh				615	-	0.00%	
24	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	22,710	-	0.00%				
25	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)	1,700	-	0.00%				
26	Xây dựng trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh	687	-	0.00%				
27	Trường THCS và THPT Minh Thuận	100	-	0.00%				
28	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc	150	-	0.00%				
29	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	81	-	0.00%				
30	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	1,200	-	0.00%				
31	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	150	-	0.00%				
32	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	1,986	-	0.00%				
33	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	295	-	0.00%				
34	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	99,283	3,075	3.10%				
35	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	151,376	7,578	5.01%				
36	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	1,407	-	0.00%				
37	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành	400	3	0.86%				
38	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang	5,729	-	0.00%				
39	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	878	33	3.79%				
40	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	1,619	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
41	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	1,830	-	0.00%				
I.12	Văn phòng tỉnh ủy	2,009	-	0.00%	97,677	15,050	15.41%	
1	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				32,495	6,321	19.45%	
2	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hoà Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng				9,938	269	2.70%	
3	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước; sửa chữa nhà công vụ Huyện ủy Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng				5,311	220	4.14%	
4	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc; xã Định Hòa; xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10,131	252	2.49%	
5	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Gò Quao; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				4,696	685	14.60%	
6	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi; xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				4,967	826	16.63%	
7	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy huyện An Minh				7,531	155	2.05%	
8	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				3,470	3,019	87.00%	
9	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				7,678	1,978	25.76%	
10	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				6,877	276	4.01%	
11	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành ủy; sửa chữa nhà công vụ Thành ủy, thành phố Phú Quốc				2,402	-	0.00%	
12	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành				58	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
13	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện Gò Quao	514	-	0.00%	1	-	0.00%	
14	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện An Minh	358	-	0.00%	3	-	0.00%	
15	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				2,119	1,049	49.51%	
16	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	660	-	0.00%				
17	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	477	-	0.00%				
I.13	Hội nông dân tỉnh				15,000	-	0.0%	
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh				15,000	-	0.00%	
I.14	Trường Cao đẳng nghề				3,400	-	0.00%	
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				3,400	-	0.00%	
I.15	Trường cao đẳng Kiên Giang	1,563	1,044	66.83%				
1	ĐTXD Trường Cao Đẳng Kiên Giang (xây mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị)	1,563	1,044	66.83%				
I.16	Ngân hàng Chính sách xã hội				103,000	92,479	89.79%	
1	Cho vay đối với người nghèo các đối tượng chính sách khác				80,000	80,000	100.00%	
2	Cho vay lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài				20,000	10,879	54.40%	
3	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù				3,000	1,600	53.33%	
I.17	Vườn Quốc Gia Phú Quốc				19,365	-	0.00%	
1	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				19,365	-	0.00%	
I.18	Dự án chưa phân khai				3,744	-	0.00%	
I.19	Sở Khoa học công nghệ				16,424	67	0.4%	
1	7941404 - Xây dựng công dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang				14,074	67	0.48%	
2	Dự án: "Đầu tư Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh Kiên Giang và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"				350	-	0.00%	
3	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc				2,000	-	0.00%	
I.20	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	8,578	31	0.36%				
1	QHPK đảo Hòn Thơm	899	9	1.05%				
2	QHPK khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội	906	11	1.16%				
3	QHPK Khu vực Rạch Tràm	894	11	1.21%				
4	Quy hoạch phân khu	5,879	-	0.00%				
I.21	Huyện Gò Quao	100	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	QHC thị trấn Gò Quao	100	-	0.00%				
I.22	Huyện U Minh Thượng	1,952	-	0.00%				
1	8124899 - Quy hoạch chung đô thị mới U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng đến năm 2045	1,952	-	0.00%				
I.23	Huyện Tân Hiệp	1,114	-	0.00%				
1	QHC thị trấn Tân Hiệp	1,114	-	0.00%				
I.24	Huyện An Biên	1,000	-	0.00%				
1	QHC thị trấn Thứ Ba	1,000	-	0.00%				
I.25	Huyện Châu Thành	314	-	0.00%				
1	QHC thị trấn Minh Lương	214	-	0.00%				
2	QHC đô thị mới Tắc Cậu	100	-	0.00%				
I.26	Huyện Giang Thành	195	-	0.00%				
1	8126674 - Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành đến năm 2045	195	-	0.00%				
I.27	Huyện Giồng Riềng	1,658	-	0.00%				
1	QHC thị trấn Giồng Riềng	1,453	-	0.00%				
2	QHC đô thị mới Long Thạnh	205	-	0.00%				
I.28	Thành phố Rạch Giá	640	29	4.56%				
1	7864939 - Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 19,994ha	30	29	97.38%				
2	Đồ án Quy hoạch phân khu Nam Vĩnh Quang (thuộc KP1), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	100	-	0.00%				
3	Đồ án QHPK phường An Hòa (thuộc PK3), thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000	6	-	0.00%				
4	Đồ án QHPK phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	190	-	0.00%				
5	Đồ án QH phân khu hành chính, thương mại, dịch vụ Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	105	-	0.00%				
6	Đồ án Quy hoạch chi tiết phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500	56	-	0.00%				
7	Đồ án QHPK phường Vĩnh Thanh (thuộc KP1), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	18	-	0.00%				
8	Đồ án QHPK Khu phức hợp đô thị và sân golf (thuộc KP3), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	3	-	0.00%				
9	Đồ án QHPK Bắc Vĩnh Quang (thuộc PK1), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	38	-	0.00%				
10	Đồ án QHPK phường Vĩnh Thanh (thuộc KP1), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	44	-	0.00%				
11	Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	50	-	0.00%				
I.29	Huyện Kiên Lương	500	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Điều chỉnh cục bộ QHCXD đô thị công nghiệp Kiên Lương-Ba Hòn-Hòn Chông	500	-	0.00%				
I.30	Huyện Kiên Hải	1,175	-	0.00%				
1	QHC đô thị mới Hòn Tre	291	-	0.00%				
2	QHC đô thị mới Lại Sơn	174	-	0.00%				
3	QHC đô thị mới An Sơn	271	-	0.00%				
4	QHC đô thị mới Nam Du	439	-	0.00%				
I.31	Huyện An Minh	17,000	-	0.00%				
1	7560892.Đường KT1	17,000	-	0.00%				
I.32	Sở Nông nghiệp và Môi trường	31,914	-	0.00%				
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	601	-	0.00%				
2	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	31,313	-	0.00%				
II	Huyện, thành phố quản lý	470,969	206,624	43.9%	4,147,216	467,192	11.27%	
1	Huyện Vĩnh Thuận	20,059	6,157	30.69%	330,972	55,450	16.75%	
2	Huyện Hòn Đất	4,395	1,330	30.26%	211,904	21,683	10.23%	
3	Huyện Gò Quao	51,230	8,097	15.81%	198,692	36,173	18.21%	
4	Huyện An Minh	72,760	4,114	5.65%	128,745	21,637	16.81%	
5	Huyện Kiên Hải	4,273	3,839	89.85%	44,930	19,521	43.45%	
6	Huyện An Biên	331	197	59.53%	291,438	47,539	16.31%	
7	Huyện Châu Thành	46,086	18,971	41.16%	148,067	27,027	18.25%	
8	Huyện Kiên Lương	52,899	9,251	17.49%	298,917	17,085	5.72%	
9	Huyện Tân Hiệp	18,871	5,474	29.01%	160,127	14,685	9.17%	
10	Thành phố Phú Quốc	17,347	3,386	19.52%	450,671	26,420	5.86%	
11	Huyện Giồng Riềng	24,709	9,102	36.84%	130,788	13,429	10.27%	
12	Thành phố Hà Tiên	6,518	522	8.01%	905,789	107,042	11.82%	
13	Huyện U Minh Thượng	683	494	72.30%	101,046	18,043	17.86%	
14	Thành phố Rạch Giá	145,537	135,116	92.84%	663,311	27,778	4.19%	
15	Huyện Giang Thành	5,270	574	10.89%	81,820	13,680	16.72%	
	BẠC LIÊU (A+B)	375,869	44,980	12%	4,319,762	602,358	13.9%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ				223,645	45,133	20.2%	
I	Bộ Quốc phòng				3,100	2,705	87.3%	
1	091100004 - Đồn Biên phòng Cái cùng (666)/ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Bạc Liêu				3,100	2,705	87.26%	
II	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				194,000	41,527	21.4%	
1	7785572 - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu				34,000	558	1.64%	
2	8022530 - DATP 7: "Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Đông Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu", thuộc DA "Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021-2025"				64,000	9,269	14.48%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	8039168 - Dự án thành phần số 3: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Bạc Liêu thuộc DA CT trữ nước và HT cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				96,000	31,700	33.02%	
III	Bộ Giao thông Vận Tải				14,545	900	6.2%	
1	7829262 - Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt - Gò Quao - Vĩnh Thuận				6,165	775	12.57%	
2	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				8,380	125	1.49%	
IV	Toà án nhân dân tối cao				12,000		0.0%	
	7831215 - Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu				12,000		0.00%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	375,869	44,980	12%	4,096,117	557,226	13.6%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)	375,869	44,980	12%	4,096,117	557,226	13.6%	
I	Dự án tỉnh quản lý	258,391	2,099	1%	3,144,391	232,680	7.4%	
I.1	Ban QLDA ĐTXD CCT DD và CN tỉnh	2,220	-	0%	283,205	45,905	16.2%	
1	7861122 - Cải tiến và phát triển cơ sở Vật chất trường ĐH Bạc Liêu				24,043	177	0.7%	
2	7878868 - XD Trường THPT Phan Ngọc Hiển				9,300	3,016	32.4%	
3	7942583 - Xây dựng trường THPT Gành Hào	1,044	-	0%	32,653	224	0.7%	
4	7967416 - Dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Bạc Liêu - Cơ sở 2 (giai đoạn 2)				9,687	2,238	23.1%	
5	Xây dựng cầu nối tuyến đường Quản Lộ - Phụng Hiệp với trung tâm xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long				24	-	0.0%	
6	7977724 - Dự án Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh				2,250	1,855	82.4%	
7	8090218 - Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các Trường Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo				10,717	8,913	83.2%	
8	7939596 - DA đầu tư xây dựng, mở rộng khu điều trị nội trú cho BVĐK tỉnh Bạc Liêu				114,280	11,958	10.5%	
9	7944405 - Xây dựng mới trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn				14,409	7,005	48.6%	
10	7976718 - Dự án Xây dựng nâng cấp, mở rộng Nhà Khách số 01 - Hùng Vương				32,150	583	1.8%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
11	7938743 - Xây dựng nâng cấp, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh (giai đoạn 2)				32,692	9,848	30.1%	
12	8141403 - Nâng cấp, cải tạo các khối nhà cơ sở 2, Trường Đại học Bạc Liêu				1,000	90	9.0%	
13	8030467 - Đầu tư cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Bạc Liêu	82	-	0%				
14	7253657 - Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	204	-	0%				
15	7529153 - Cấp điện nông thôn tại lưới điện quốc gia GD 2015-2020	40	-	0%				
16	8029369 - Xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trường chính trị Châu Văn Đăng	224	-	0%				
17	8030149 - Đầu tư cải tạo, nâng cấp 04 Trung Tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bạc Liêu	625	-	0%				
I.2	Ban QLDA ĐTXD CCT giao thông tỉnh	10,091	318	3%	1,273,315	48,686	3.8%	
1	7795767 - Dự án xây dựng tuyến đường từ thị trấn Phước Long, huyện Phước Long đến Ba Đình, huyện Hồng Dân	3,927	318	8%	230,740	20,579	8.9%	
2	7940684 - Xây dựng cầu Hòa Bình 2+ tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát				65,635	4,263	6.5%	
3	7944118 - Dự án đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)				657,808	16,238	2.5%	
4	8000198 - Dự án đường Vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)				144,162	1,843	1.3%	
5	7795768 - Đầu tư tuyến đường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuyến đường ĐT.980. Gành Hào - Giá Rai- Phò Sinh- Cạnh Đèn nối với đường HCM đoạn Phò Sinh Cạnh Đèn				174,970	5,763	3.3%	
6	7733569 - Xây dựng nâng cấp tuyến đường Ninh Quới Ngan Dừa huyện Hồng Dân	6,163	-	0%		-		
I.3	Ban QLDA ĐTXD CCT NN và PTNT tỉnh	126,263	502	0%	971,347	40,922	4.2%	
1	7773584 - Xây dựng nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kế				75,000	645	0.9%	
2	7669701 - Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu	17,627	67	0%	3,728	1,077	28.9%	
3	7669702 - Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu	7,593	-	0%	15,000	131	0.9%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	7830064 - Kè chống ngập dọc tuyến Quốc Lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu				249,857	20,376	8.2%	
5	Gây bồi tạo bãi, khôi phục rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu				196	82	41.7%	
6	Tiểu dự án tuyến đê biển đoạn từ kênh Huyện Kê đến Nhà Mồ và đập trụ đỡ (công kết hợp cầu giao thông) bắc qua kênh Huyện Kê (thuộc dự án đê biển Đông - chương trình 667)				84	-	0.0%	
7	7935393 - Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu				45,000	-	0.0%	
8	8078588 - Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cống Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu				80,000	-	0.0%	
9	Dự án kè chống sạt lở cửa sông ven biển thị trấn Gành Hào đoạn từ G4 đến G5				1,000	-	0.0%	
10	Kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ kênh 3 đến ngã 3 mũi tàu)				1,000	-	0.0%	
11	Dự án khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào				1,000	-	0.0%	
12	Dự án Kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Góc và điểm cuối tại ngã 3 sông Gành Hào), huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
13	Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông cấp bách, chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu (từ Huyện Kê đến hướng về chùa Linh Ứng)				1,000	-	0.0%	
14	Đầu tư dự án Xây dựng 07 công ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu				2,100	-	0.0%	
15	7935394 - Kè bờ sông thành phố Bạc Liêu				325,382	17,017	5.2%	
16	7896410 - Gia cố chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông Nhà Mát TP Bạc Liêu	5,749	22	0%	-	-		
17	7969482 - Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão và bến cá Cái Cùng				170,000	1,594	0.9%	
18	7923617 - Xây dựng trụ sở quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho Tàu cá tỉnh Bạc Liêu	219	-	0%		-		
19	7669699 - ĐTXD CSHT phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Hòa Bình, Đông Hải và TP Bạc Liêu	7,244	-	0%		-		

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
20	7969483 - Xử lý xói lở và gia cố lòng sông thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	86,384	-	0%		-		
21	7669700 - Xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống công qua đê	999	413	41%		-		
22	7345574 - Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Gành Hào	446	-	0%		-		
I.4	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
1	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế triển khai kỹ thuật cao thuộc Đơn vị Tim mạch can thiệp của Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
I.5	Bệnh viện quân y tỉnh Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
1	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho Bệnh viện Quân y tỉnh Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
I.6	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh				3,700	1,828	49.4%	
1	091100017 - Dự án cải tạo, sửa chữa nhà ở cán bộ chiến sĩ và hội trường cơ quan BCH Bộ Đội Biên phòng tỉnh				3,700	1,828	49.4%	
I.7	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				14,000	2,248	16.1%	
1	091100008 - DA khu diễn tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu huấn luyện diễn tập KV phòng thủ tỉnh Bạc Liêu của Bộ CHQS tỉnh				14,000	2,248	16.1%	
I.8	Công an tỉnh	1,484	-	0%	19,045	10,393	54.6%	
1	091100016 - Dự án Xây dựng Hội trường Công An tỉnh Bạc Liêu	308	-	0%	10,393	10,393	100.0%	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; xây dựng nhà xưởng để đảm bảo việc dạy và học cho học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh				116	-	0.0%	
3	Dự án chỉnh lý tài liệu, số hóa và mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý kho lưu trữ của Công an tỉnh				36	-	0.0%	
4	091900001 - Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Công an Phường 5, phường Nhà Mát, phường Láng Tròn thuộc Công an Tỉnh Bạc Liêu				500	-	0.0%	
5	091900002 - Cải tạo, nâng cấp cơ sở làm việc Công an huyện Hồng Dân thuộc Công an Tỉnh Bạc Liêu				8,000	-	0.0%	
6	091100011 - Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện đề án 06/CP	1,176	-	0%		-		
I.9	Sở Giáo dục và Đào tạo	737	-	0%	7,000	-	0.0%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	8031855 - Công trình Cải tạo, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Bạc Liêu thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	737	-	0%	-	-		
2	Dự án trường THPT Nguyễn Trung Trực (xây dựng bổ sung 16 phòng học, 6 phòng bộ môn, 10 phòng chức năng, sân tập TDTT)				1,000	-	0.0%	
3	Dự án trường THPT Ninh Thạnh Lợi (xây dựng bổ sung 10 phòng bộ môn, 13 phòng chức năng, sân tập TDTT)				1,000	-	0.0%	
4	Dự án trường THPT Lê Thị Riêng (Xây dựng bổ sung 10 phòng bộ môn, 16 phòng chức năng, các công trình phụ trợ)				1,000	-	0.0%	
5	Dự án xây dựng trường THPT Tân Phong (giai đoạn 2)				1,000	-	0.0%	
6	Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa THPT Hiệp Thành				1,000	-	0.0%	
7	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Điền Hải				500	-	0.0%	
8	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Định Thành				500	-	0.0%	
9	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Trần Văn Bảy				500	-	0.0%	
10	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Ninh Quới				500	-	0.0%	
I.10	Sở nội vụ	8,492	-	0%	2,726	-	0.0%	
1	8049936 - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	8,492	-	0%	2,726	-	0.0%	
I.11	Sở Nông nghiệp và Môi trường				14,000	-	0.0%	
1	7474227 - XD hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến 2015-2018				14,000	-	0.0%	
I.12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	30,321	-	0%	11,550	3,544	30.7%	
1	8059519 - Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của Đoàn nghệ thuật tổng hợp Khmer và Đoàn cải lương Cao Văn Lầu				2,900	2,542	87.6%	
2	8060590 - Tu bổ, chống xuống cấp di tích Khu lưu niệm nhạc sỹ Cao Văn Lầu				3,400	1,002	29.5%	
3	8068515 - Tu bổ, chống xuống cấp di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Trạch				950	-	0.0%	
4	8140197 - Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn (ấp) vùng đồng bào DTTS&MN	10,455	-	0%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	Tư do, không xương cấp dự án nên sự cấp Quốc gia Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu				500	-	0.0%	
6	8091221 - Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				3,800	-	0.0%	
7	7756550 - Dự án trưng bày nội thất Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bạc Liêu trong khối nhà B, C	19,866	-	0%		-		
I.13	Sở Xây dựng				39,100	11,684	29.9%	
1	7929522 - Cải tạo, sửa chữa định kỳ các tuyến đường bộ do tỉnh quản lý				39,100	11,684	29.9%	
I.14	Sở y tế	55	-	0%	4,322	281	6.5%	
1	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế thành phố Bạc Liêu				1,000	-	0.0%	
2	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế huyện Hòa Bình				1,000	-	0.0%	
3	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế huyện Đông Hải				1,000	-	0.0%	
4	Đầu tư hệ thống xử lý nước RO cho chạy thận nhân tạo và sinh hoạt của BVĐK huyện Phước Long (nay là TTYT huyện Phước Long)				322	281	87.2%	
5	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm				1,000	-	0.0%	
6	8033105 - Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở làm việc Sở Y tế	55	-	0%		-		
I.15	TT dịch vụ đô thị tỉnh				14,000	11,899	85.0%	
1	8120637 - Chính trang đô thị chào mừng Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025				14,000	11,899	85.0%	
I.16	Thanh tra tỉnh				500	-	0.0%	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở Thanh tra tỉnh				500	-	0.0%	
I.17	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh BL	2,988	-	0%	88,900	19,090	21.5%	
1	8040076 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Đông Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	499	-	0%	11,500	5,236	45.5%	
2	8040077 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Thống Nhất, xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân	484	-	0%	11,500	8,022	69.8%	
3	8040078 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	468	-	0%	11,500	4,100	35.7%	
4	8060591 - Dự án TP số 3: Các công trình CNTT NT tỉnh Bạc Liêu (phần đối ứng của tỉnh) thuộc DA công trình trữ nước và HTCN SH tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	205	-	0%	54,400	1,732	3.2%	
5	7939593 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Nhân dân B, xã Tân Phong, TX Giá Rai	941	-	0%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
6	7939595 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Lộ xe, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	390	-	0%				
I.18	UBND huyện Đông Hải	1,707	-	0%	73,560	15,227	20.7%	
1	7941878 - Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu, Huyện Đông Hải				15,500	-	0.0%	
2	Trường THCS Trần Phú, xã Long Điền, huyện Đông Hải				60	60	100.0%	
3	7957475 - Xây dựng tuyến đường từ cầu Tư Cồ đến chùa Linh Ứng huyện Đông Hải				58,000	15,168	26.2%	
4	8121003 - Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Diên Hải đến năm 2045	1,707	-	0%		-		
I.19	UBND huyện Hòa Bình				15,900	25	0.2%	
1	7944227 - Xây dựng trường Trung học Cơ sở Xã Vĩnh Mỹ A				11,500	25	0.2%	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu đến năm 2040				2,300	-	0.0%	
3	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình đến năm 2045				2,100	-	0.0%	
I.20	UBND huyện Hồng Dân	19,851	-	0%	100,000	1,371	1.4%	
1	8064487 - Xây dựng tuyến đường từ Trèm Trèm đến Xẻo Quao, thị trấn Ngan Dừa.				100,000	1,371	1.4%	
2	7876530 - XD các tuyến đê ngăn mặn cấp bách kết hợp đường giao thông để bảo vệ, phát triển vùng tôm - lúa huyện Hồng Dân	19,851	-	0%		-		
I.21	UBND huyện Vĩnh Lợi	34,264	1,280	4%	52,800	7,358	13.9%	
1	7904773 - Xây dựng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Minh Nhựt, huyện Vĩnh Lợi				12,800	6,641	51.9%	
2	7878867 - XD các ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình GT để bảo vệ và phát triển vùng sx lúa và NTTS huyện Vĩnh Lợi	13,669	-	0%	10,000	-	0.0%	
3	8132534 - Nâng cấp, mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) – Giai đoạn 1	-	-		30,000	717	2.4%	
4	7904772 - Xây dựng tuyến đường tránh chợ Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	18,000	1,280	7%				
5	8092349 - Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Vĩnh Hưng đến năm 2045	1,402	-	0%				
6	8092348 - Quy hoạch chung đô thị Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi đến năm 2045	1,193	-	0%				
I.22	UBND thành phố Bạc Liêu	1,900	-	0%	17,681	8,286	46.9%	
1	8000199 - Dự án Xây dựng Trường Tiểu học Phùng Ngọc Liêm				15,322	6,938	45.3%	
2	Tu bổ, chống xuống cấp di tích Nhà cổ số 59, Khóm 1, Phường 5, TPBL				11	-	0.0%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	8000200 - Dự án Nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Bạc Liêu				1,348	1,348	100.0%	
4	Đường Nguyễn Tất Thành nối dài 8060679 - Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bạc Liêu đến năm 2045.				1,000	-	0.0%	
5		1,900	-	0%				
I.23	UBND thị xã Giá Rai				134,500	3,933	2.9%	
1	7995933 - Đầu tư kết cấu hạ tầng hết hợp kiên cố hóa ô đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp thị xã Giá Rai				54,500	2,094	3.8%	
2	8068517 - Đầu tư nâng cấp đường dẫn vào cầu Trần Văn Sớm				25,000	1,519	6.1%	
3	7868280 - Kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn thị xã Giá Rai				55,000	320	0.6%	
4	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Khúc Tréo - Tân Lộc					-		
I.24	UBND huyện Phước Long				28	-	0.0%	
1	Xây dựng tuyến đường và 02 cầu kênh 4000 và kênh 5000 thuộc công trình tuyến đường vào di tích lịch sử quốc gia khu căn cứ tỉnh ủy Bạc Liêu (đoạn 4000-kênh 6000)				28	-	0.0%	
I.25	Chưa phân khai				1,211	-	0.0%	
1	Các công trình quyết toán hoàn thành				122	-	0.0%	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025				1,089	-	0.0%	
I.26	Văn phòng UBND tỉnh	2,516	-	0%				
1	8000203 - Dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh	2,516	-	0%				
I.27	Sở Khoa học và công nghệ	15,503	-	0%				
1	8100096 - Công trình Cải tạo sửa chữa khối nhà phía trước trong khuôn viên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, bố trí trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở KH&CN	1,094	-	0%				
2	8082199 - Mua sắm giải pháp đảm bảo an toàn thông tin kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	14,410	-	0%				
II	Huyện, thành phố quản lý	117,478	42,880	37%	951,726	324,546	34.1%	
1	TP Bạc Liêu	36,135	10,368	29%	73,330	21,727	29.6%	
2	Huyện Phước Long	8,654	127	1%	124,705	40,740	32.7%	
3	Huyện Hòa Bình	3,216	100	3%	61,529	21,335	34.7%	
4	Thị xã Giá Rai	14,761	3,519	24%	238,602	85,263	35.7%	
5	Huyện Hồng Dân	38,140	16,221	42.53%	121,564	38,991	32.07%	
6	Huyện Đông Hải	1,550		0%	172,969	69,418	40.1%	
7	Huyện Vĩnh Lợi	15,022	12,545	83.52%	159,026	47,071	29.60%	
	CÀ MAU (A+B)	213,433	22,981	10.77%	6,454,837	1,638,632	25.39%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ				104,000	19,913	19.15%	
I	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				69,000	7,665	11.11%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	8036900 - Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Cà Mau				69,000	7,665	11.11%	
II	Bộ Xây dựng				35,000	12,248	35.00%	
1	7054240 - Dự án đường Hành lang ven biển phía Nam trên địa phận Việt Nam				11,000	11,000	100.00%	
2	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				24,000	1,248	5.20%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	213,433	22,981	10.77%	6,350,837	1,618,719	25.49%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)	213,433	22,981	10.77%	6,350,837	1,618,719	25.49%	
I	Dự án tỉnh quản lý	178,975	10,454	5.84%	5,337,664	1,208,028	22.63%	
I.1	Ban Quản lý các dự án ODA và NGO	14,756	4,820	32.66%	309,944	25,607	8.26%	
1	Dự án Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau (Dự án thành phần cấp địa phương tại tỉnh Cà Mau)				183,209	3,771	2.06%	
2	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đoi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau				107,900	16,766	15.54%	
3	Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau	14,172	4,820	34.01%	9,466		0.00%	
4	Trường THPT U Minh, huyện U Minh				9,200	4,900	53.26%	
5	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 19 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Cà Mau	584	-	0.00%				
6	Xây dựng Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển				169	169	100.00%	
I.2	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng				2,534,506	352,865	13.92%	
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh				2,229,382	268,254	12.03%	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Cà Mau				172,000	42,285	24.58%	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Đoàn nghệ thuật Khmer				9,044	3,130	34.61%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở hành chính huyện Đầm Dơi				19,000	-	0.00%	
5	Dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Cà Mau				20,000	9,317	46.58%	
6	Dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo công trình Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là				80,000	29,631	37.04%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
7	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý				5,000	221	4.41%	
8	Dự án đầu tư trùng tu, tôn tạo di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Lung Lá - Nhà Thờ.				27	27	100.00%	
9	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai				53	-	0.00%	
I.3	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	130,984		0.00%	828,657	206,142	24.88%	
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội				269,894	56,525	20.94%	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Phường 4, Phường 9, thành phố Cà Mau				18,500	748	4.04%	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau				18,600	3,743	20.12%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau				45,263	-	0.00%	
5	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế				50,000	12,496	24.99%	
6	Dự án đầu tư xây dựng cụm Tượng đài kỷ niệm chuyển tàu tập kết ra Bắc năm 1954 và hệ thống đường giao thông				35,000	14,535	41.53%	
7	Dự án xây dựng tuyến đường từ đường trục chính Đông - Tây đến chợ Chà Lả, huyện Đầm Dơi				56,400	2,060	3.65%	
8	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Bẹ, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi				20,000	1,398	6.99%	
9	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời				41,000	1,091	2.66%	
10	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn				25,000	3,846	15.38%	
11	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào				100,000	38,195	38.19%	
12	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)				37,000	8,475	22.91%	
13	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	130,984		0.00%	2,000	1,220	60.99%	
14	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường Phan Ngọc Hiển				110,000	61,812	56.19%	
I.4	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau				5,000	4,956	99.12%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Dự án đầu tư Hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau				5,000	4,956	99.12%	
I.5	Công An Tỉnh				13,000	6,632	51.02%	
1	Cơ sở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau				13,000	6,632	51.02%	
I.6	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau	504	-	0.00%	67,520	1,194	1.77%	
1	Dự án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025				67,500	1,194	1.77%	
1	Mô hình thí điểm “Phát triển sản phẩm OCOP chế biến từ chuỗi gắn với vùng nguyên liệu hữu cơ tại xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau”	504	-	0.00%				
2	Đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng X - Nam Cà Mau thuộc Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL - WB6)				20	-	0.00%	
I.7	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	29,218	5,220	17.87%	35,690	6,945	19.46%	
1	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi				5,000	592	11.85%	
2	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi				30,500	6,162	20.20%	
3	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường Đầm Dơi - Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi (đoạn từ cầu Thầy Chương đến cầu Thanh Tùng)	29,218	5,220	17.87%				
4	Trụ sở hành chính xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi				190	190	100.00%	
I.8	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn				40,445	7,376	18.24%	
1	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn				5,000	3,778	75.55%	
2	Trường THCS Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn				4,000	2,122	53.05%	
3	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trắng, Kênh Lò, Chệt Cùm, Lương Thục) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn				30,000	1,326	4.42%	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường Châu Văn Đăng				1,140	10	0.88%	
5	Trường THCS Phan Ngọc Hiển, huyện Năm Căn				305	141	46.17%	
I.9	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	2,010	-	0.00%	4,000	2,505	62.62%	
1	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân				4,000	2,505	62.62%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	Đầu tư xây dựng các cầu (Cái Bát, kênh Ông Xe) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	2,010	-	0.00%		-		
I.10	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	432	409	94.49%	10,000	455	4.55%	
1	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thầy Vinh, cầu Trâu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình				10,000	455	4.55%	
2	Công trình Bệnh viện Đa khoa huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	432	409	94.49%				
I.11	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau				861,495	576,559	66.93%	
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau				861,495	576,559	66.93%	
I.12	Vườn Quốc gia U Minh hạ				24,682	3,652	14.79%	
1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông Vườn Quốc gia U Minh hạ				24,682	3,652	14.79%	
I.13	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	645	-	0.00%				
1	Đầu tư xây dựng công trình cầu Khánh Hải trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	645	-	0.00%				
I.14	Sở Giáo dục và Đào tạo	295	5	1.64%				
1	Trường Tiểu học A Khánh Bình Tây	154	5	3.15%				
2	Đầu tư xây dựng bếp ăn Trường Tiểu học Võ Trường Toản	141		0.00%				
I.15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58	-	0.00%				
1	Dự án đầu tư trang bị cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin cho TTDVL tỉnh Cà Mau thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	58	-	0.00%				
I.16	Sở Dân tộc và Tôn giáo				3,450	95	2.76%	
1	Xây dựng Bổ sung nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng (Salatel) cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau				3,450	95	2.76%	
I.17	Ban NN và PTNT tỉnh Cà Mau				13,008	13,008	100.00%	
1	0961.7296707-DA đầu tư xây dựng kệ cấp bách tại Tân Thuận Đầm Dơi				13,008	13,008	100.00%	
I.18	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau				38	37	97.10%	
1	Dự án Bảo vệ và phát triển Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau				38	37	97.10%	
I.19	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	73	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu TP HCM giai đoạn 2016 - 2020	73	-	0.00%				
I.20	Kế hoạch vốn chưa phân khai				586,228	-	0.00%	
II	Huyện, thành phố quản lý	34,458	12,527	36.35%	1,013,173	410,692	40.54%	
1	Thành phố Cà Mau	678	120	17.65%	191,118	89,074	46.61%	
2	Huyện Đầm Dơi	3,528	850	24.09%	179,972	94,520	52.52%	
2	Thới Bình	7,990	535	6.70%	111,356	36,570	32.84%	
3	Cái Nước	1,475	993	67.32%	92,056	31,380	34.09%	
6	Năm Căn	3	2.5	83.33%	82,290	28,161	34.22%	
7	Trần Văn Thời	4,410	1,430	32.43%	142,727	37,529	26.29%	
8	U Minh	2,258	421	18.64%	96,780	33,768	34.89%	
9	Phú Tân	295		0.00%	51,954	25,275	48.65%	
10	Ngọc Hiển	13,821	8,176	59.16%	64,920	34,415	53.01%	

Kiên Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Văn Đông

